

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2022/DS-ST**

Ngày: 22 - 6 - 2022

*“V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Lê Khải

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Tống Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST - DS ngày 17/9/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 196/2021/QĐST - DS ngày 30/9/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số: 512/2021/QĐST-DS ngày 25/10/2021; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số: 22/2021/QĐST - DS ngày 29/11/2021; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 190/2022/QĐST - DS ngày 09/6/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số: 181/2022/QĐST-DS ngày 10/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1985 - có mặt;

Bà Ngô Thị Vân A, sinh năm 1986;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Vân A: Ông Nguyễn Văn T – có mặt (Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2022)

Địa chỉ: Thôn Đức L, xã Đắk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1970; bà Lê Thị Th, sinh năm 1985 - có mặt;

Địa chỉ: Thôn Đức L, xã Đắk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Khánh L –Luật sư – Chi nhánh Công ty Luật Nguyễn Khánh Linh & cộng sự - có mặt.

Địa chỉ: Số 06 Ngô Quyền, thị trấn EaT’ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông;

Người làm chứng:

+ Bà Lương Thị H - vắng mặt;

+ Ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị Th- vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Đức L, xã Đắk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

+ Ông Phạm Văn L, bà Hoàng Thị H- vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Thôn Nam C, xã Đăk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn M và bà Ngô Thị Vân A trình bày: Tháng 5 năm 2018 vợ chồng ông M, bà A có nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị Th diện tích đất với giá 15.000.000 đồng (chỉ nói miệng không ghi trong hợp đồng diện tích đất bao nhiêu) nhưng chiều ngang dài 30 chiều dài khoảng 50m, phía Đông và phía bắc giáp suối; phía tây giáp QL28; phía Nam giáp đất ông Tr, bà Th, mục đích để trồng cỏ. Sau khi vợ chồng ông M, bà A nhận sang nhượng từ tháng 5/2018 thì đến tháng 6/2018 vợ chồng ông Tr, bà Th lấn chiếm sang diện tích đất của ông M, bà A khoảng 110,2m² có tứ cận; phía Đông giáp suối; phía tây giáp QL 28; Phía Bắc giáp phần đất của ông M, bà A đang sử dụng; phía Nam giáp đất ông Tr, bà Th đang sử dụng. Quá trình sử dụng đất thì ông M, bà A cải tạo đất trồng cỏ nuôi bò, không tranh chấp, đến năm 2018 thì xảy ra tranh chấp với ông Tr, bà Th. Ông Tr, bà Th lấn chiếm xây tường rào, đổ đất lên phần đất lấn chiếm dẫn đến tranh chấp nên ông, bà có làm đơn trình lên UBND xã Đăk Sôr về việc ông Tr, bà Th lấn chiếm đất.

Về chứng cứ, tài liệu: Khi mua bán đất với ông Vũ Văn H hai bên có lập giấy tờ viết tay ngày 02/5/2018 không ghi diện tích đất.

Bị đơn ông Phạm Văn Tr, bà Lê Thị Th trình bày: Ông Tr, bà Th không đồng ý quan điểm của ông M, bà A. Nguồn gốc đất trên là do ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng anh trai ông Trọng là ông Phạm Văn L, bà Hoàng Thị H vào năm 2002, diện tích 240m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 26, tờ bản đồ 03; có tứ cận: phía tây giáp đường QL 28 rộng 12m; phía Đông giáp suối rộng gần 12m; phía nam giáp đất anh Hoàn dài khoảng 20m, phía bắc giáp đất bà Lương Thị H đang sử dụng, sau này sang nhượng lại cho anh Vũ Văn H, các bên có chỉ mốc ranh giới rõ ràng, gia đình ông, bà không xảy ra tranh chấp gì về ranh giới với bà H và anh Hoàn là người có đất giáp ranh.

Quá trình sử dụng đất, gia đình ông, bà tôn tạo đất dựng nhà tạm để ở, tháng 02/2018 gia đình ông, bà đào móng xây bờ rào có mời bà H, ông H, ông L để xác định ranh giới với nhau, đồng thời lúc đó ông H có mời cán bộ địa chính xuống đo đạc, xác minh là ông, bà sử dụng đúng trong phạm vi thửa đất được cấp có chiều ngang 12m. Vào tháng 5 năm 2018 thì gia đình ông, bà xảy ra tranh chấp với ông M, bà A. Ông M, bà A cho rằng vợ chồng ông, bà lấn chiếm 110,2m² của ông M, bà A là không đúng sự thật, ông, bà không biết phần đất ông M, bà A ở đâu.

Trên đất tranh chấp vợ chồng ông, bà có xây bờ rào dài móng đá dài 44m, cao trung bình khoảng 2,6, trên có rào sắt hộp 08 khung, xây trụ gạch, đất đỏ.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn luật sư Nguyễn Khánh L trình bày: Việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu tòa án buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn diện tích đất khoảng 102m², có tứ cận phía đông giáp suối, phía Tây giáp QL 28, phía Nam giáp đất bị đơn, phía bắc giáp đất nguyên đơn đang sử dụng là không có căn cứ vì; Theo đơn khởi kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì thể hiện nguyên đơn mua đất của ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị Th bằng giấy viết tay 2018 khi mua không thể hiện diện tích, không biết cụ thể ranh giới ở đâu, đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn cầu Đăk Sôr 1.

Ông Tr, bà Th sử dụng diện tích đất tại thửa số 26, tờ bản đồ số 03 từ năm 2002 đến năm 2018 thì tiến hành xây hàng rào kiên cố, khi xây dựng thì có mời chủ cũ đất là ông Liêm, bà H, ông H đến xác định ranh giới rồi mới xây. Đến năm 2018 thì vợ chồng ông Minh mới mua đất của ông Hoàn, việc mua bán không xác định ranh giới cụ thể. Về quyền sử dụng đất: đối với thửa đất số thửa 26 tờ bản đồ 03; diện tích 240m²; có tứ cận: phía tây giáp đường QL 28 rộng 12m; phía Đông giáp suối rộng gần 12m; phía nam giáp đất ông H dài khoảng 20m, phía bắc giáp đất bà Lương Thị H đang sử dụng, sau này bà H sang nhượng lại cho anh Vũ Văn H dài khoảng 20m, các bên có chỉ mốc ranh giới rõ ràng, gia đình ông Phạm Văn L, bà Hoàng Thị H vào năm 2002, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn L, bà Hoàng Thị H vào năm 2002. Đối với diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn, theo kết quả đo đạc xác định: khoảng cách từ vị trí do ông Minh chỉ ranh giới đến mố cầu dài 18,8m và từ lề đường vào là 20,76m, chiều dài của cầu Đăk Sôr 1 là 26m, đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 11/2010 NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính Phủ xác định “1. Hành lang an toàn đối với cầu trên đường ngoài đô thị; a) Theo chiều dọc cầu tính từ mố cầu ra mỗi bên là 30m đối với cầu có chiều dài dưới 60m; b). Theo chiều ngang cầu tính từ mép ngoài cùng đất của đường bộ ra mỗi phía 50m đối với cầu có chiều dài từ 20m đến 60m” theo quy định trên thì toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc hành lang an toàn của Cầu Đăk Sôr 1. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Hoàn và ông Minh đều thừa nhận phần đất mua bán giữa các bên là đất thuộc hạn hành lang an toàn cầu Đăk Sôr 1, Ủy ban nhân dân xã Đăk Sôr khi hòa giải cũng đã khẳng định phần đất này nằm trong hành lang an toàn song suối cầu chỉ để cho dân tận dụng trồng cỏ mà không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên việc ông Minh bà Vân Anh đi kiện tranh chấp đất trong khi đất thuộc hành lang an toàn sông, suối, cầu, cống là không phù hợp với quy định của pháp luật, không thể chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy ông đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Th vợ ông Vũ Văn H trình bày: Vào ngày 02/5/2018 vợ chồng ông bà có bán cho vợ chồng ông M, bà A 01 thửa đất tại Thôn Đức L, xã Đăk S, huyện Krông Nô dưới chân cầu Đăk Sôr 1 với giá 15.000.000 đồng, khi bán đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi bán thì vợ chồng ông bà không biết diện tích cụ thể là bao nhiêu, đặc điểm thửa đất. Nguồn gốc đất là ông bà mua lại của bà Lương Thị H, khi bán không biết diện tích đất nhưng có bà H đến chỉ ranh giới. Phía Nam giáp đất anh Trọng chị Minh đang sử dụng, phía bắc giáp suối, phía đông giáp suối, phía tây giáp chân cầu Đăk Sôr 1, phần đất ông M, bà A tranh chấp với ông Tr, bà Th ông bà không biết cụ thể.

Người làm chứng ông Phạm Văn L, bà Hoàng Thị H trình bày: Ông bà xác nhận từ trước gia đình ông bà có mảnh vườn đã có bìa đồ sát nhà chị Lương Thị H, hai gia đình đã chỉ ranh giới sử dụng ổn định không ai tranh chấp, đến năm 2002 thì ông, bà bán cho em trai là Phạm Văn Tr diện tích đất trên thuộc thửa số 26, tờ bản đồ 03, khi bán giấy tay với nhau, đến năm 2021 mới sang tên bìa đồ theo quy định. Năm 2018 khi ông Tr, bà Th xây bờ rào có gọi ông Liêm, bà H và ông Hoàn đến chỉ ranh giới cắm mốc rõ ràng để ông Trọng xây bờ rào. Tất cả nhất trí không ai tranh chấp.

Người làm chứng bà Lương Thị H trình bày: Quá trình làm việc bà H không có ý kiến gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng theo quy định của pháp luật, hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sao khi nghiên cứu tài liệu đã được thu thập có cơ sở xác định tài sản là phần diện tích đất nguyên đơn tranh chấp với bị đơn là đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn, cầu song suối, không thuộc tài sản của nguyên đơn mà thuộc tài sản của Nhà nước lợi ích công cộng vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị trả lại đơn khởi kiện và đình chỉ vụ án vì người khởi kiện không có quyền khởi kiện. Buộc người khởi kiện chịu chi phí tố tụng, trả lại tiền tạm ứng án phí cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: ông Phạm Văn M và bà Ngô Thị Vân A khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn Tr, bà Lê Thị Th trả lại diện tích đất tranh chấp 110,2 m². Diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại Thôn Đức L, xã Đăk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” được quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Tr, bà Th có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đức L, xã Đăk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông: Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ điểm c khoản 2 điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 không áp dụng thời hiệu đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguồn gốc các lô đất ông M, bà A khởi kiện ông Tr, bà Th là do ông M, bà A nhận chuyển nhượng của ông H, bà Th năm 2018 bằng giấy tay, không ghi tứ cận cũng như diện tích cụ thể là bao nhiêu. Ông M, bà A thừa nhận toàn bộ diện tích đất thuộc hành lang an toàn cầu Đăk Sôr, ông bà không xuất trình được tài liệu, chứng cứ có giá trị chứng minh diện tích đất trên thuộc quyền quản lý và sử dụng hợp pháp của ông, bà. Mặt khác, ông bà thừa nhận khi mua đất biết được để làm hành lang an toàn cho cầu nên Ủy ban nhân dân các cấp không giao đất cho cá nhân hoặc hộ gia đình nào sử dụng. Như vậy, diện tích đất ông bà kiện thuộc quyền quản lý của Nhà nước không phải là đất thuộc quyền quản lý của ông bà.

Biên bản kiểm tra, xác minh hiện trạng đất ngày 11/10/2021 thể hiện vị trí thửa đất như sau; đo chiều dài cầu Đắc Sôr 1 dài 26m, đo theo chiều dọc tính từ đuôi mố cầu ra mỗi bên 30m, đo theo chiều ngang cầu tính từ mép ngoài cùng đất của đường bộ ra mỗi bên 50m. Trên cơ sở trên đoàn đo đặc thực tế diện tích đất ông M, bà A tranh chấp với anh Trọng, chị Thủy có chiều ngang dọc QL28 hướng bắc dài 2,2m; mặt sau giáp suối Đắc Sôr 1 hướng đông nam dài 4,5m, chiều dài giáp phần đất ông M, bà A đang sử dụng không tranh chấp dài 30,7m, chiều dài giáp đất anh Trọng, chị Thủy sử dụng dài 30,7m.. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thì hành lang an toàn đối với cầu trên đường ngoài đô thị như sau: theo chiều dọc cầu tính từ đuôi mố cầu ra mỗi bên 30m đối với cầu có chiều dài dưới 60m, theo chiều ngang cầu tính từ mép ngoài cùng đất của đường bộ trở ra mỗi phía 50m đối với cầu có chiều dài dưới 60m. Như vậy phần diện tích đất ông M, bà A tranh chấp với anh Trọng, chị Thủy 110,2m² và toàn bộ phần diện tích đất ông Minh, chị Vân Anh nhận chuyển nhượng của ông H, bà Th còn lại khoảng 305,8m² đều thuộc đất hành lang an toàn cầu Đắc Sôr 1, nên UBND quản lý đối với diện tích đất này là đúng.

[2.2] Việc các hộ dân không được Nhà nước giao đất mà tự lấn chiếm sử dụng, mua bán trái phép và xây dựng công trình tạm trên đất làm hành lang cầu là vi phạm Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ, làm ảnh hưởng an toàn và trật tự công cộng. Thẩm quyền và trách nhiệm yêu cầu các hộ này này tháo dỡ thuộc về Ủy ban nhân dân các cấp, không thuộc quyền và nghĩa vụ của ông Minh, chị Vân Anh. Thực tế, Ủy ban nhân dân xã quản lý diện tích đất trên tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 27/9/2018 UBND xã Đắc Sôr kết luận diện tích đất ông M, bà Vân A sử dụng nằm trong hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 28 và hành lang suối Đắc Sôr, UBND tiếp tục đồng ý cho ông M, bà A được trồng cỏ hoa màu không được xây dựng công trình kiên cố, không làm thay đổi hiện trạng đất.

Tòa án tiến hành xác minh tại Phòng tài nguyên và môi trường của UBND huyện Krông Nô thì thửa đất đang tranh chấp giữa ông M, chị Vân A và ông Tr, bà Th nằm trong quy hoạch hành lang an toàn giao thông đường bộ cầu công, suối Đắc Sôr nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật đất đai.

Theo lời khai của ông M, bà A một phần diện tích đất tranh chấp do ông, bà nhận chuyển nhượng của ông Hoàn, nguồn gốc đất do ông H nhận chuyển nhượng lại của bà Lương Thị H thông qua viết giấy tay mua bán giữa các hộ dân với nhau. Đối với việc mua bán chuyển nhượng đất trái phép nên không được pháp luật bảo hộ theo quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật đất đai, nếu không tự giải quyết được thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác nếu có yêu cầu, anh chị cũng thừa nhận biết đất anh chị mua của anh Hoàn là đất thuộc hành lang an toàn cầu Đắc Sôr 1.

Như vậy từ nhận định 2.1, 2.2 nêu trên thì căn cứ điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thì toàn bộ diện tích đất mà ông M, bà A khởi kiện ông Tr, bà Th 102m² và diện tích ông M và Vân A sử dụng trồng cỏ bên chân cầu Đắc Sôr 1 đều thuộc diện tích đất hành lang an toàn cầu, sông suối do Nhà nước quản lý. Trường hợp ông Tr, bà Th có hành vi lấn chiếm phần đất phía sau thuộc hành lang an toàn sông suối, cầu thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đứng ra

bảo vệ quyền lợi ích công cộng, lợi ích Nhà nước đồng thời sẽ xem xét xử lý theo quy định của pháp luật chứ ông M, bà Vân A không có thẩm quyền khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích cộng đồng và lợi ích của Nhà nước. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ vụ án và trả lại đơn khởi kiện cho đương sự đồng thời giải quyết hậu quả của việc trả lại đơn khởi kiện là phù hợp.

[3] Xét nguồn gốc đất ông Tr, bà Th đang sử dụng, HĐXX thấy rằng: Nguồn gốc đất trên là do ông Tr, bà Th nhận chuyển nhượng của anh trai ông Tr là ông Phạm Văn L và vợ vào năm 2002, diện tích 240m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 26 tờ bản đồ 03. Năm 2002 bán cho ông Trương bằng giấy viết tay, ông Tr, bà Th sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai, đến năm 2021 mới làm thủ tục sang nhượng theo quy định của pháp luật, đất có tứ cận phía tây giáp đường QL 28 rộng 12m (sau khi trừ hành lang an toàn đường bộ); phía Đông giáp suối rộng gần 12m; phía nam giáp đất anh Hoàn dài khoảng 20m, phía bắc giáp đất bà Lương Thị H đang sử dụng, sau này bà H sang nhượng lại cho anh Vũ Văn H dài khoảng 20m, các bên có chỉ mốc ranh giới rõ ràng, gia đình ông, bà không xảy ra tranh chấp gì về ranh giới với bà H và ông H là người có đất giáp ranh.

Qua đo đạc thực tế diện tích ông Tr, bà Th đang sử dụng nhiều hơn diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 87,4m² (đã trừ đi diện tích hành lang an toàn giao thông QL 28 là 82,7m²). Tuy nhiên do ông Phạm Văn L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cuối cùng giáp với phần đất thuộc hành lang an toàn giao thông QL28 và cầu Đăk Sôr, nên phần diện tích đất hiện nay ông Trương bà Thủy sử dụng nhiều hơn so với đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Đối với phần diện tích đất này khi nào cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu trả lại thì ông Tr, bà Th phải trả lại để đảm bảo an toàn cầu, suối Đăk Sôr.

[4]. Đất, tài sản trên thửa đất tranh chấp (theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/7/2021 và chứng thư thẩm định giá tài sản)

Đất: diện tích 83,3m² có chiều ngang hướng tây giáp QL28 (đã phía nam giáp đất anh Trương dài 23,39m; phía Bắc giáp đất ông Minh, chị Vân Anh đang sử dụng dài 20,76m. Có giá 5.362.400 đồng

Bờ tường: Kết cấu: Móng xây đá hộc được chia làm 03 đoạn: Đoạn 01 giáp suối cao 2,8m dài 8,2 mét. Đoạn 02 giáp đoạn 1 cao 2,9m dài 4,1m. Đoạn 3 giáp đoạn 2 cao 2,5m dài 31,7m. Tường bị ố, thấm nước. Có giá 89.620.507 đồng

Rào sắt hộp: Kết cấu: Cao 1,32m rộng 2,35m (08 bức rào, 09 trụ gạch). Tường rào sắt thoáng, móng xây bằng gạch ống vữa xi măng mác 50 dày 200mm cao 200mm, hàng rào song sắt. Có giá 32.486.452 đồng

Rào sắt hộp trước cổng: kết cấu: Cao 1,39m dài 2,85m. Tường rào sắt thoáng, hàng rào song sắt. Có giá 5.185.972 đồng

Đất đỏ: Diện tích dài 44 m x rộng 8,20m cao 2,2m, Có giá 15.939.495 đồng

Tổng giá trị là đất tài sản trên đất là 148.595.000 đồng

Những tài sản trên do vợ chồng ông Tr, bà Th xây dựng.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ Điều 157, Điều 165 của BLTTDS: Do đình chỉ vụ án với lý do người khởi kiện không có quyền khởi kiện nên ông M, bà A phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, xác minh, chi phí đo đạc bằng máy và

chi phí thẩm định giá tài sản. Ông M, bà A đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên nên trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do người khởi kiện không có quyền khởi kiện, Tòa án trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo (nếu có yêu cầu) và đình chỉ giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án trả lại tiền tạm ứng án phí do nguyên đơn đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 11 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 202; điểm b khoản 2 Điều 203; khoản 5 Điều 166 của Luật đất đai năm 2013;

Điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Khoản 3 Điều 18 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án thụ lý số: 147/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- + Đương sự không có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án.
- + Trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu có yêu cầu.

2. Về chi phí tố tụng:

- *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, xác minh, đo đạc bằng máy:* Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông M, bà A phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, xác minh là 8.120.000 đồng (*Tám triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*), chi phí đo đạc bằng máy 4.154.000 đồng (*Bốn triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng*). (đã nộp xong).

- *Chi phí thẩm định giá tài sản:* ông Phạm Văn M, bà Ngô Thị Vân A chi phí thẩm định giá tài sản là 4.620.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Hoàn trả ông Phạm Văn M, bà Ngô Thị Vân A số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai số 0003918, ngày 28 tháng 10 năm 2020 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Krông Nô;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

